



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ECI**
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT	1 - 2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 27

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bàn đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2024: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 024.9711404 - 8213786
- Website: www.bandotranhanh.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thực phẩm.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 28 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 2 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|--------------|----------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Ông Nguyễn Nam Phóng | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| • Ông Cao Văn Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Bà Hoàng Mai Diệp | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023 |
| • Ông Lưu Văn Thịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |
| | | Xin từ nhiệm ngày 15/05/2024 (*) |

(*) Từ nhiệm chưa được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Hoàng Yến | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Lương Thị Thanh Duyên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thanh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Cao Văn Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Hoàng Mai Diệp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Đỗ Thị Thơm | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 08/06/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 991/2024/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ lập ngày 26/08/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại 30/06/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2024 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2024 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2. Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh 20d, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 07/03/2023 đã thông qua chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Công ty đã thực hiện chốt quyền chi trả cổ tức này vào ngày 04/12/2023 và khoản cổ tức phải trả này hiện được Công ty theo dõi tại khoản mục “Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” với số tiền là 1,056 tỷ đồng. Đến nay, Công ty đã nhiều lần gia hạn thời gian trả khoản cổ tức nêu trên và lần gia hạn thứ 5 lùi ngày thanh toán đến ngày 30/09/2024. Việc chậm trễ thanh toán cổ tức như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên”.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0396-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.448.097.565	28.267.434.479
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.789.804.328	486.576.393
1. Tiền	111	5	2.789.804.328	486.576.393
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.967.341.125	5.110.634.743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.552.768.955	4.766.723.498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.177.587.340	33.167.840
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	161.052.586	1.058.519.272
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(924.067.756)	(747.775.867)
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.609.409.852	2.617.453.179
1. Hàng tồn kho	141		3.543.833.766	4.404.402.450
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.934.423.914)	(1.786.949.271)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		81.542.260	52.770.164
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	4.836.810	28.472.724
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		76.705.450	24.297.440
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.830.929.820	18.347.862.333
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.794.000.696	4.270.117.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.794.000.696	4.270.117.226
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	8.603.762.079
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.809.761.383)	(4.333.644.853)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	14.000.000.000	14.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		36.929.124	77.745.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	36.929.124	77.745.107
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.279.027.385	46.615.296.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.662.890.066	16.174.039.445
I. Nợ ngắn hạn	310		13.081.900.376	13.343.276.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	9.010.126.588	9.229.265.207
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.302.988	508.119.622
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	272.715.606	167.793.016
4. Phải trả người lao động	314		669.586.230	323.962.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	757.985.414	821.321.561
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.673.533.534	1.603.164.887
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	499.546.392	499.546.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
II. Nợ dài hạn	330		2.580.989.690	2.830.762.886
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	2.580.989.690	2.830.762.886
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.616.137.319	30.441.257.367
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	26.616.137.319	30.441.257.367
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	20	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	5.366.970.882	9.192.090.930
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	9.192.090.930	15.395.537.727
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	(3.825.120.048)	(6.203.446.797)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.279.027.385	46.615.296.812



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

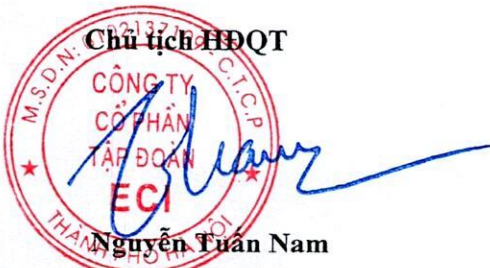
Ngô Thị Hương Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	2.490.228.115	9.489.321.492
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	12.970.224
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		2.490.228.115	9.476.351.268
4. Giá vốn hàng bán	11	22	2.106.878.024	7.288.595.564
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		<u>383.350.091</u>	<u>2.187.755.704</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	356.168.646	1.170.565
7. Chi phí tài chính	22	24	138.949.742	158.157.754
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		138.949.742	158.157.754
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	1.723.330.742	1.899.675.447
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	2.596.819.587	2.665.556.154
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>(3.719.581.334)</u>	<u>(2.534.463.086)</u>
11. Thu nhập khác	31		6.511.594	2.426.122
12. Chi phí khác	32		55.891.579	6.878.568
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(49.379.985)</u>	<u>(4.452.446)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>(3.768.961.319)</u>	<u>(2.538.915.532)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	56.158.729	1.768.520
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>(3.825.120.048)</u>	<u>(2.540.684.052)</u>

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.768.961.319)	(2.538.915.532)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13	476.116.530	488.022.588
- Các khoản dự phòng	03		323.766.532	298.761.409
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(356.168.646)	(1.170.565)
- Chi phí lãi vay	06	24	138.949.742	158.157.754
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.186.297.161)	(1.595.144.346)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.090.337.788)	521.182.989
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		860.568.684	2.483.274.397
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(313.862.148)	(1.436.959.444)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	64.451.897	31.706.214
- Tiền lãi vay đã trả	14	24	(138.949.742)	(158.157.754)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(3.672.764)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.808.099.022)	(154.097.944)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,23	361.100.153	1.170.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.361.100.153	1.170.565
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(249.773.196)	(249.773.196)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(249.773.196)	(249.773.196)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.303.227.935	(402.700.575)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	486.576.393	16.778.096.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	12.789.804.328	16.375.396.404



Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- Bán buôn thực phẩm

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty có 1 Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền-biểu-quyết
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và thương mại	80,00%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 (bắt đầu từ 01/01/2024 và kết thúc vào ngày 30/06/2024).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có 1 Công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2024 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	4

4.5 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu Quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ (Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024, Công ty áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP của Chính phủ); 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	1.631.155.082	93.251.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.158.649.246	393.325.393
Cộng	2.789.804.328	486.576.393

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng	10.000.000.000	-
Cộng	10.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Hải Dương	281.216.200	281.216.200
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	333.570.539	333.570.539
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	477.435.915	477.435.915
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Golden Bay (nay là Công ty TNHH TMDV Chiến Đức)	2.364.936.000	2.364.936.000
Các đối tượng khác	1.095.610.301	1.309.564.844
Cộng	4.552.768.955	4.766.723.498

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Du lịch người thám hiểm Việt Nam	169.419.500	-
Công ty CP Thương mại và Thực phẩm Mini Garden (*)	6.000.000.000	-
Các đối tượng khác	8.167.840	33.167.840
Cộng	6.177.587.340	33.167.840

(*) Là khoản tạm ứng theo Hợp đồng mua bán thực phẩm số 25062024/HĐMG-MNG-ECI với giá trị hợp đồng: 12.942.400.000 đồng và thời hạn hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.958.904	-	7.890.411	-
Phải thu thuế TNCN	3.093.682	-	10.628.861	-
Tạm ứng	15.000.000	-	900.000.000	-
Phải thu khác	140.000.000	-	140.000.000	-
Cộng	161.052.586	-	1.058.519.272	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Số dư dự phòng phải thu đầu kỳ	747.775.867	370.988.991
Dự phòng trích trong kỳ	176.291.889	120.548.853
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Cộng	924.067.756	491.537.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng theo đối tượng:

	30/06/2024		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Phải thu khách hàng			
- Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La	251.527.339	-	> 3 năm
- Công ty cổ phần Sách và TBTH Hà Giang	151.685.892	-	> 3 năm
- Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	3.906.560	-	> 3 năm
- Các đối tượng khác	1.591.415.873	1.074.467.908	< 3 năm
Cộng	1.998.535.664	1.074.467.908	

11. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	52.232.655	-
Thành phẩm	2.494.600.048	1.638.854.486	3.320.809.922	1.591.876.915
Hàng hóa	1.049.233.718	295.569.428	1.031.359.873	195.072.356
Cộng	3.543.833.766	1.934.423.914	4.404.402.450	1.786.949.271

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2024 là 2.232.735.855 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch xử lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2024.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.196.664	2.991.666
Chi phí bảo hiểm	3.640.146	25.481.058
Cộng	4.836.810	28.472.724

b. Dài hạn

	30/06/2024	6 tháng đầu
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.828.289	11.313.135
Tem và thẻ cào điện tử	194.354	194.354
Chi phí sửa chữa Nhà 45 Hàng Chuối	28.928.481	58.358.979
Chi phí khác	4.978.000	7.878.639
Cộng	36.929.124	77.745.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	342.503.748	7.821.189.700	440.068.631	8.603.762.079
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	342.503.748	7.821.189.700	440.068.631	8.603.762.079
Khấu hao				
Số đầu kỳ	342.503.748	3.581.912.525	409.228.580	4.333.644.853
Khấu hao trong kỳ	-	471.021.666	5.094.864	476.116.530
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	342.503.748	4.052.934.191	414.323.444	4.809.761.383
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	4.239.277.175	30.840.051	4.270.117.226
Số cuối kỳ	-	3.768.255.509	25.745.187	3.794.000.696

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2024 là 3.768.255.509 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 2.910.743.153 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư vào công ty con

30/06/2024

01/01/2024

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	80%	1.400.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	-	-
Cộng			14.000.000.000			14.000.000.000		

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	6 tháng đầu
XN Bàn đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bàn đồ	4.027.766.051	4.027.766.051
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	1.219.401.275	1.219.401.275
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu MSD Việt Nam	2.296.006.900	2.296.006.900
Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	752.000.000	852.000.000
Các đối tượng khác	714.952.362	834.090.981
Cộng	9.010.126.588	9.229.265.207

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	15.720.061	5.220.643	15.720.061	-	5.220.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	91.568.541	56.158.729	3.672.764	-	144.054.506
Thuế thu nhập cá nhân	-	60.504.414	43.765.326	95.220.713	-	9.049.027
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	169.803.445	82.162.957	-	87.640.488
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí và lệ phí	-	-	26.750.942	-	-	26.750.942
Cộng	-	167.793.016	304.699.085	199.776.495	-	272.715.606

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí nhuận bút, bản thảo phải trả	757.985.414	650.287.551
Chi phí khác	-	171.034.010
Cộng	757.985.414	821.321.561

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	306.470.941	291.116.069
Thù lao HĐQT, BKS	88.690.000	88.690.000
Thuế TNCN thu thừa	218.039.682	163.025.907
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.058.605.610	1.058.605.610
Phải trả khác	1.727.301	1.727.301
Cộng	1.673.533.534	1.603.164.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	499.546.392	249.773.196	249.773.196	499.546.392
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	499.546.392	249.773.196	249.773.196	499.546.392
Cộng	499.546.392	249.773.196	249.773.196	499.546.392

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	3.330.309.278	-	249.773.196	3.080.536.082
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	3.330.309.278	-	249.773.196	3.080.536.082
Cộng	3.330.309.278	-	249.773.196	3.080.536.082
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	499.546.392			499.546.392
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.830.762.886			2.580.989.690

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng Tín dụng số SHBVN/TDH/PL/2022/1376 ngày 20/07/2022. Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe. Lãi suất cho vay: 8,5% /năm trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	16.451.537.727	37.700.704.164
Tăng trong năm	-	-	-	-	(6.203.446.797)	(6.203.446.797)
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.056.000.000	1.056.000.000
Số dư tại 31/12/2023	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.192.090.930	30.441.257.367
Số dư tại 01/01/2024	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.192.090.930	30.441.257.367
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	(3.825.120.048)	(3.825.120.048)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2024	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	5.366.970.882	26.616.137.319

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.192.090.930	16.451.537.727
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(3.825.120.048)	(6.203.446.797)
Phân phối lợi nhuận	-	1.056.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước	-	1.056.000.000
+ Chia cổ tức	-	1.056.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	5.366.970.882	9.192.090.930

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 07/03/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty thực hiện chốt quyền chi trả cổ tức bằng tiền như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 04/12/2023
- Thời gian thực hiện: 18/12/2023

Ngày 15/12/2023, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức đến ngày 22/01/2024.

Ngày 17/01/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 2 đến ngày 29/02/2024.

Ngày 27/02/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 3 đến ngày 26/04/2024.

Ngày 19/04/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 4 đến ngày 28/06/2024.

Ngày 24/06/2024, Công ty tiếp tục thông báo lùi thời hạn chi trả cổ tức lần 5 đến ngày 30/09/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	1.247.331.156	7.194.774.345
Doanh thu thiết bị giáo dục	1.194.469.354	2.293.391.147
Doanh thu bán sách tham khảo	-	1.156.000
Doanh thu khác	48.427.605	-
Cộng	2.490.228.115	9.489.321.492

22. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	936.841.503	5.274.407.852
Giá vốn thiết bị giáo dục	970.329.223	1.835.247.285
Giá vốn sách tham khảo	-	727.871
Giá vốn Khác	52.232.655	-
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	147.474.643	178.212.556
Cộng	2.106.878.024	7.288.595.564

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	356.168.646	1.170.565
Cộng	356.168.646	1.170.565

24. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí lãi vay	138.949.742	158.157.754
Cộng	138.949.742	158.157.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.324.759.903	1.072.519.082
Chi phí bốc xếp vận chuyển	23.941.218	97.289.300
Chi phí hoa hồng môi giới	(171.034.010)	79.659.113
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	403.785.817	372.172.417
Các khoản khác	141.877.814	278.035.535
Cộng	1.723.330.742	1.899.675.447

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.317.627.360	912.720.265
Chi phí thuê nhà, đất	232.885.264	164.325.915
Chi phí giao dịch, hội nghị	22.450.000	162.823.588
Chi phí khấu hao	476.116.530	488.022.588
Dịch vụ phí, chuyên tiền, công văn,...	220.883.201	439.997.117
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	176.291.889	120.548.853
Các khoản khác	150.565.343	377.117.828
Cộng	2.596.819.587	2.665.556.154

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.768.961.319)	(2.538.915.532)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	393.579.912	514.094.241
- Điều chỉnh tăng	393.579.912	514.094.241
+ Chi phí khấu hao (nguyên giá xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng)	337.688.333	337.688.333
+ Chi phí không hợp lệ	55.891.579	176.405.908
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(3.375.381.407)	(2.024.821.291)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	56.158.729	1.768.520
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	56.158.729	1.768.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	498.751.379
Chi phí nhân công	2.642.387.263	2.199.666.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.116.530	488.022.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	932.159.391	3.649.132.485
Chi phí khác bằng tiền	256.159.540	457.009.327
Cộng	4.306.822.724	7.292.581.960

28. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>30/06/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	9.010.126.588	-	9.010.126.588
Chi phí phải trả	757.985.414	-	757.985.414
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	2.580.989.690	3.080.536.082
Phải trả khác	1.367.062.593	-	1.367.062.593
Cộng	<u>11.634.720.987</u>	<u>2.580.989.690</u>	<u>14.215.710.677</u>
<u>01/01/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	9.229.265.207	-	9.229.265.207
Chi phí phải trả	821.321.561	-	821.321.561
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	2.830.762.886	3.330.309.278
Phải trả khác	1.312.048.818	-	1.312.048.818
Cộng	<u>11.862.181.978</u>	<u>2.830.762.886</u>	<u>14.692.944.864</u>

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>30/06/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.789.804.328	-	12.789.804.328
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	3.628.701.199	-	3.628.701.199
Phải thu khác	146.052.586	-	146.052.586
Cộng	<u>16.564.558.113</u>	<u>-</u>	<u>16.564.558.113</u>
<u>01/01/2024</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	486.576.393	-	486.576.393
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.018.947.631	-	4.018.947.631
Phải thu khác	158.519.272	-	158.519.272
Cộng	<u>24.664.043.296</u>	<u>-</u>	<u>24.664.043.296</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ	
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Công ty con
Bà Phạm Ngọc Huyền	Người được ủy quyền công bố thông tin

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

Giao dịch		6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Bán bản đồ, tranh ảnh	-	23.615.273
Công ty CP Học liệu	Bán bản đồ, tranh ảnh	-	60.766.200
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	165.726.000	532.015.080
	Mua thiết bị giáo dục	-	719.300.961
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Bán bản đồ, tranh ảnh	-	143.220.000
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Bán bản đồ, tranh ảnh	163.680.000	223.820.000
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Bán bản đồ, tranh ảnh	-	134.772.000
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	330.000.000	27.130.000.000
	Hoàn ứng	1.230.000.000	26.588.847.883
	Mượn tiền	1.804.652.090	-
	Trả tiền mượn	1.804.652.090	-

c. Số dư với các bên liên quan

Khoản mục		30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Phải thu khách hàng	-	838.798
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Phải thu khách hàng	8.329.137	4.349.640
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Nam	Người mua trả tiền trước	-	124.280.000
Công ty Cổ phần Học liệu	Người mua trả tiền trước	-	122.760.000
	Phải thu khách hàng	8.620.000	-
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	-	900.000.000
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Phải thu khác	140.000.000	140.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2024 đã thông qua việc không chi trả thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thù lao năm 2024 được tính vào chi phí, tối đa là 5% lợi nhuận trước thuế. Theo đó, 06 tháng đầu năm 2024 công ty không có lợi nhuận nên không trích và không trả thù lao.

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc	173.320.443	203.650.000
Ông Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	195.273.872	235.527.343
Bà Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc	187.723.670	218.382.400

30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.


Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ECI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng


Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu


Ngô Thị Hương Giang

